TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2024
V/v "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà Đặng Thị T và ông Võ Văn Đ đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 214/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũn Tàu. Theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự về hôn nhân bà T và ông Võ Văn Đ thuận tình ly hôn; về con chung có 01 con chung là Võ Đức P, sinh ngày 13/5/2008, bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến tuổi trưởng thành, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận.

Sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cháu P sống cùng với bà T, ông Đ không cấp dưỡng cũng như không

quan tâm chăm sóc, thăm nom đến cháu P. Hiện nay sức khỏe bà T đã yếu, ngoài ra bà T còn nợ Ngân hàng nên không đủ điều kiện tốt nhất để chăm lo cho cháu P được một cuộc sống đầy đủ như trước. Nay bà T yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu P trưởng thành.

Ông Võ Văn Đ hiện nay đang công tác tại Công ty C với mức lương khoảng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/ tháng, bà T làm nội trợ không có thu nhập.

Bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông Võ Văn Đ và bà Đặng T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 214/2022/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại Quyết định trên bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Đức P cho đến tuổi trưởng thành, ông Đ không cấp dưỡng nuôi cháu P, do bà T không có yêu cầu. Sau khi ông Đ và bà T ly hôn thì về tài sản chung giữa ông Đ và bà T đã tự thỏa thuận phân chia, ông Đ tự nguyện cho bà T và cháu P số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), mua máy tính, xe honda cho cháu P hết 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và hàng tháng ông Đ vẫn cho cháu P tiền ăn học khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Trong khi bà T còn có sức khỏe, đang trong độ tuổi lao động. Nay ông Đ không có nhà ở, phải đi thuê trọ, tiền lương thu nhập hàng tháng rất thấp nên ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T là yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu P một tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mà ông để ông Đ tự chu cấp tùy ý theo khả năng, chứ không cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Đặng Thị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn đối với ông Võ Văn Đ, đây là vụ án "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con" theo quy định tại khoản 5, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Võ Văn Đ có nơi cư trú tại huyện X theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 220/CV – VKS ngày 30/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, vì lý do qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa xét xử vụ án nói

trên. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 214/2022/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thì về con chung: Bà Đặng Thị T và ông Võ Văn Đ có 01 con chung tên Võ Đức P, sinh ngày 13/5/2008. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Đức P đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Võ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo bà T sau khi ly hôn công việc làm của bà T không ổn định, thu nhập bấp bênh nên việc nuôi dưỡng cho con chung tên P không được đầy đủ. Trong khi đó ông Đ có công việc và có thu nhập ổn định nên bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Cũng theo bà T chi phí hàng tháng của con chung tên P mỗi tháng khoảng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Theo ông Đức S khi ly hôn bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên P đến tuổi trưởng thành, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn thì về tài sản chung giữa ông Đ và bà T đã có sự phân chia, ông Đ tự nguyện cho bà T và cháu P số tiền là 150.000.000đ, mua máy tính, tuy nhiên theo giấy biên nhận ngày 11/12/2023 do ông Đ cung cấp thể hiện đây là *"số tiền phân chia tài sản giữa tôi (bà T) và ông Đ"*, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xe honda cho cháu P hết 40.000.000đ và hàng tháng ông Đ vẫn cho cháu P tiền ăn học khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đây là ý chí tự nguyện của ông Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nay ông Đ không có nhà ở, phải đi thuê trọ, tiền lương thu nhập hàng tháng rất thấp nên ông Đ không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu P mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mà ông để ông Đ tự chu cấp tùy ý theo khả năng, chứ không cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu Công ty cổ phần C (nơi ông Đ đang làm việc) cung cấp bảng lương của ông Đ cho Tòa án, theo đó bảng lương 03 tháng gần nhất mà Công ty cung cấp cho Tòa án thể hiện: tháng 4/2024 tiền lương và thu nhập ông Đ được lãnh: 6.321.599đ, tháng 5/2024 tiền lương và thu nhập ông Đ được lãnh: 5.690.213đ, tháng 6/2024 tiền lương và thu nhập ông Đ được lãnh: 6.668.844đ. Vậy bình quân hàng tháng ông Đ được lãnh khoảng 6.200.000đ (làm tròn – Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) ngoài ra ông Đ còn chi phí cho cuộc sống cá nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng"*. Như phân tích trên thu nhập của ông Đ mỗi tháng khoảng 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng), ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác, bà T cũng không chứng minh được ông Đ còn khoản thu nhập nào.

Theo quy định tại khoản 2 điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con"*. Như vậy, khi quyết định mức cấp dưỡng nuôi con ngoài việc xem xét về nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì cần phải xem xét đến thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức lương tối thiểu vùng của huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện áp dụng tại Nghị định 74/2024/NĐ - CP ngày 30/6/2024 là 3.860.000đ/tháng. Do đó, với thu nhập bình quân của ông Đ, cùng các điều kiện và nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của cá nhân ông Đ thì có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên P là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng là phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của ông Đ, phù hợp với lời trình bày của ông Đ là mỗi tháng ông Đ đã tự chu cấp cho con chung tên P khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần buộc ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên P mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 15 (Mười lăm) dương lịch hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Võ Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc tranh chấp cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Võ Văn Đ.

Buộc ông Võ Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Đức P, sinh ngày 13/5/2008 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 (Mười lăm) dương lịch hàng tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000857 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Võ Văn Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo